Vượt Vĩ Tuyến 17

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ba tháng trước, khi biết tôi định về Sài gòn sau gần 30 năm bỏ nước ra đi, mẹ gọi điện thoại từ Austin, Texas dặn dò,

"Cây có cội, nước có nguồn. Đã về bên *nớ*, con ra ngoài làng mình một chuyến." "Làng mình" là làng Đồng Phú thuộc thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

"Mẹ ơi, con xa làng từ lúc mới sáu tuổi. Bây giờ trở về, con không quen biết ai và cũng không biết phải làm gì," tôi lưỡng lự.

"Con lạy bàn thờ tổ tiên, viếng mồ mả ông bà, và thăm cậu Các giùm mẹ," mẹ khẩn khoản nói; cậu Các là anh mẹ, cậu đi kháng chiến ngày mẹ mới 13 tuổi.

Dĩ nhiên tôi nhận lời. Có bao giờ tôi bỏ quá một dịp làm vui lòng mẹ đâu! Mẹ yêu quý quê hương thiết tha, dù đã cách biệt hơn nửa thế kỷ. Với đồng lương hưu ít oi, mẹ chắt chiu từng đồng để mỗi năm dăm ba lần gửi về biếu bà con, sửa sang nhà thờ họ, và trùng tu mồ mả tổ tiên họ Nguyễn. Mẹ ước nguyện sau này qua đời sẽ được thiêu xác, và tro cốt đem về rải trên dòng Nhật Lệ ở quê nhà. (Quỳnh Châu đã hứa sẽ thực hiện điều sau cho mẹ.) Mẹ khuyến khích,

"Ngoài mình có động Phong Nha là kỳ quan thiên nhiên lớn đẹp nhất thế giới, con và con Châu đi coi cho biết. Tuần trước thằng Giáng gọi điện thoại qua, mẹ đã dặn *hắn* thu xếp cho hai đứa *bây* ở khách sạn của *hắn* ngoài cửa sông Nhật Lệ."

Anh Giáng hiện là trưởng tộc và mặc dù đã 80 tuổi, vai vế ngang hàng với tôi nên gọi mẹ bằng *mự* (thím). Những cú điện thoại hàng tháng không ngoài mục đích xin tiền, nhưng đối với mẹ là sợi dây liên lạc quý báu với bà con thân thuộc ở quê cha đất tổ. Quỳnh Châu biết rõ ước muốn của mẹ và cho dù mẹ không nói ra, cũng sẽ nhắc nhở tôi về thăm nơi chôn nhau cắt rốn.

Xong việc ở Sài gòn, chúng tôi thuê xe có tài xế lái đi dọc theo Quốc lộ 1 ra miền Trung, sống lại những năm tháng hạnh phúc lẫn đau thương ngày xưa. Sau đó dừng chân tại Huế, nơi tôi sống nhiều năm và lớn lên, để thăm bạn cũ trường xưa và dùng làm điểm xuất phát về thăm quê. Xe ra khỏi Huế chừng mươi cây số, Quốc lộ 1 trở nên vắng vẻ, hàng quán ven đường biến mất, và làng mạc xa tít ẩn mình sau những lùm cây. Nhìn cảnh vật hiu quạnh, Quỳnh Châu gí ngón tay lên vai tôi vừa hát ghẹo vừa cười,

"Đường về quê chồng em đúng là vùng đất cày lên sỏi đá. '*Quê hương anh nghèo lắm ai ơi, Mùa đông thiếu áo hè thời thiếu ăn*.' Lâu nay em làm dâu xứ *Quảng Bình Quảng Lọ* nghèo xác xơ mà không biết."

"Công chúa Tiên Dung ơi," tôi hát trêu lại, "Nàng lấy nhằm Chử Đồng Tử mà không hay. Giờ đã trễ rồi, '*Cá cắn câu biết đâu mà gỡ. Chim vào lồng, biết thuở nào ra*.'"

"Xí, em biết miệng của *ôông dôông* có quai, không ai nói lại. Vậy mà khi nào mẹ cũng khen lấy khen để, 'Thằng *nớ* thiệt thà như đếm.' Có người khéo mà mắt mẹ!"

Anh tài xế, một thanh niên trạc 31, 32 tuổi, xen vào giải thích,

"Cô nói đúng lắm, vùng này hoang vắng tiêu điều vì không ai chịu tới sinh sống làm ăn. Trong thời chiến tranh, quá nhiều người chết oan uổng, nhất là trên quãng đường từ cầu Mỹ Chánh ra phía bắc. Người ta tin oan hồn họ không được siêu thoát và còn lẩn vẩn quanh đây." Cầu Mỹ Chánh bắc qua sông Mỹ Chánh, ranh giới thiên nhiên của hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Trị.

"Có phải cầu Mỹ Chánh xây lại tại chỗ cầu Trường Phước trước đây?" tôi chợt nhớ ra.

"Dạ phải chú."

"Vậy đoạn Quốc lộ 1 từ cầu Mỹ Chánh ra phía bắc là Đại lộ Kinh hoàng, chặng đường khốc liệt nhất của Mùa Hè Đỏ Lửa," tôi rợn người nghĩ tới biến cố hãi hùng 33 năm trước.

Mùa Hè Đỏ Lửa (đặt tên theo tựa cuốn bút ký chiến trường của Phan Nhật Nam) là trận chiến dữ dội bắt đầu từ cuối tháng Ba 1972, khi Việt Cộng ("VC") vượt sông Bến Hải tấn công đại quy mô vào Quảng Trị. Mười một căn cứ hỏa lực của quân đội Việt nam Cộng hòa thất thủ, cổ thành Quảng Trị là nơi đặt bản doanh của Tiểu khu Quảng Trị và Sư đoàn 3 Bộ binh gần như bỏ ngỏ nên bị chiếm dễ dàng, và sau đó tỉnh Quảng Trị lọt vào tay VC.

Đại lộ Kinh hoàng là tên báo chí Sài gòn đặt cho khoảng đường hơn chín cây số từ cầu Trường Phước đến cầu Bến Đá thuộc quận Hải Lăng tỉnh Quảng Trị. (Sau này cầu Bến Đá được xây lại tại chỗ cũ và đặt tên "Hải Lăng.") Dân chúng Quảng Trị và Đông Hà bồng bế dắt díu nhau chạy về phía nam để trốn Cộng sản – báo chí Hoa kỳ nói họ "bỏ phiếu bằng chân" – trên đoạn đường này. Chạy giặc giữa những đụn cát trắng, không có nhà cửa hay cây cao, dòng người di tản hiện rõ là mục tiêu ngon lành của những trận mưa pháo kích VC nã vào từ hướng rừng Trường Sơn. Hàng ngàn dân lành vô tội thiệt mạng, và thân xác thối rữa của họ nằm la liệt trên mặt lộ hoang tàn.





Qua thành phố Đông Hà, chúng tôi tiếp tục đi về hướng bắc trên con lộ càng lúc càng vắng bóng người và xe cộ, và tới cầu Hiền lương bắc qua sông Bến Hải. Chính tên là Bến Hói, con sông dài gần 100 cây số bắt nguồn từ núi Động Chân thuộc dãy Trường Sơn, chảy dọc theo vĩ tuyến 17 từ tây sang đông, và đổ ra Đông hải ở cửa Tùng. Trong hơn 20 năm, con sông đã chia cắt đất nước thành hai miền Nam - Bắc theo Hiệp định Genève 1954.

Cầu Hiền lương đầu tiên được xây năm 1928, làm bằng gỗ và cọc sắt, và chỉ dùng cho người đi bộ và xe cộ thô sơ. Năm 1952, cầu được xây lại bằng sắt dài 178 thước, có bảy nhịp, và mặt cầu lát gỗ tùng. Đó chính là cây cầu phân cách hai miền, ranh giới vạch chính giữa cầu, và hai phần cầu sơn hai màu khác nhau: phía nam màu xanh, và phía bắc màu đỏ.

Năm 1967, không quân Hoa kỳ đánh sập cầu Hiền lương để cắt đường tiếp viện vũ khí từ ngoài Bắc vào, VC phải dùng phà và thuyền cho mục đích này. Từ năm 1973, VC xé nát Hiệp định Paris 1973 đã ký kết, tiếp tục đưa quân xâm chiếm miền Nam, và dựng một cây cầu sắt tạm thời trên trụ cầu cũ để di chuyển quân trang quân dụng và vũ khí. Sau chiến tranh, phải đợi đến cuối thập niên 1990, một cây cầu bê-tông dài 230 thước và rộng 11 thước rưỡi mới được xây bên cạnh, phía hạ lưu cầu cũ để dân chúng có thể an tâm qua lại.

Tôi bảo tài xế dừng xe cho chúng tôi xuống xem chứng tích lịch sử đặc biệt này. Xe chạy qua cầu bê-tông mới và dừng lại ven đường. Chúng tôi xuống xe bước sang cầu sắt cũ, nắm tay nhau đi một vòng từ đầu bắc tới đầu nam, và nhìn dòng sông lặng lờ trôi xuôi. Sau thời chiến tranh oằn mình dưới trọng lượng di chuyển của chiến cụ nặng nề, cầu nay đã tàn tạ, và mặt gỗ lát cầu bắt đầu mục nát và có nhiều chỗ thủng.

Dưới bầu trời âm u, giữa cảnh sông nước êm ả, và chung quanh không một bóng người, tôi đau đớn nghĩ đến gần bốn triệu người, cả quân lẫn dân, đã thiệt mạng thậm vô lý trong cuộc chiến, và bật khóc thành tiếng. Nghĩ đến những khổ đau cùng cực mà dân Việt nam cả hai miền Nam Bắc phải gánh chịu. Nghĩ đến những nấm mồ chôn tập thể ở Huế trong cuộc tấn công Tết Mậu Thân. Nghĩ đến những oan hồn vất vưởng trên Đại lộ Kinh hoàng. Tôi căm giận vị lãnh đạo miền Bắc đã gây ra những chết chóc tang thương đó.

Trong suốt đoạn đường còn lại, tôi mơ màng thấy mình bé lại. Nhớ như in thái độ nhẫn nhục mà cương quyết của mẹ khi dắt ba đứa con trai – *thằng Gái* (tên ở nhà của anh Quang) lên mười, *thằng Bé* (tên ở nhà của tôi) lên sáu, và Sang lên ba – di cư vào Nam hơn nửa thế kỷ trước.

* * *

Mẹ và ba anh em tôi sống ở làng Đồng Phú với ông nội, trong khi cha phục vụ trong quân đội Quốc gia Việt nam đâu đó trong Nam. Một buổi sáng cuối hè trời mưa lất phất sau khi Hiệp định Genève 1954 được ký kết, anh Đồng dẫn đứa cháu nội duy nhất là con Chắt tới và mời nội và mẹ xuống nhà ngang để thưa chuyện. Đồng là anh họ tôi và mặc dù đã hơn 40 tuổi, vai vế ngang hàng với tôi nên gọi nội bằng *ôông* và mẹ bằng *mự*. Chắt cùng tuổi với anh tôi mà bé loắt choắt, thấp hơn tôi nửa cái đầu.

Sáng sớm hôm đó, Chắt đi hái rau sau miễu Thổ Địa và tình cờ nghe lóm mấy cán bộ Việt Minh họp bàn việc đấu tố nội là "thằng địa chủ gian ác." Họ bịa ra và sẽ gán cho nội những tội ác tày trời như hiếp dâm, cướp của, và giết người. Nghe kể xong, nội không hề đổi sắc mặt và thở dài nói với Đồng,

"*Mi* giúp *mẹ Gái* đi vô trong *nớ nghen*." "Mẹ Gái" là tiếng nội gọi mẹ.

Nhìn kỹ anh em tôi lần cuối, nội nghẹn ngào dặn mẹ,

"Rán sống mà lo cho con; *mẹ Gái* và mấy đứa đi không cần chào *bọ* [cha]."

Nội bước nhanh lên nhà trên như không muốn chúng tôi thấy người rơi nước mắt. Mười lăm phút sau, anh em tôi rời khỏi ngôi nhà yêu dấu đã gắn bó từ thuở mới lọt lòng. Mẹ ẵm Sang,

thằng Gái xách chiếc giỏ đựng thức ăn, Đồng khiêng cái rương nhỏ đựng áo quần, và tôi đi tay không lẽo đẽo sau cùng.

Lên tới đường cái, mẹ bảo Đồng mang rương đi trước, chúng tôi dừng lại ngồi trước hiên một ngôi nhà đóng cửa im lìm, người trong nhà có lẽ đã đi di cư. Nhà ngoại nằm chéo bên kia đường, mẹ nhìn sang, mắt đỏ hoe. Tôi muốn xin phép chạy qua gặp ngoại nhưng không dám. Mẹ dặn anh em tôi hễ ai hỏi thì nói đi vô nhà thương Đồng Hới thăm *mệ* (bà) ngoại đau nặng, bắt lập đi lại cho đến khi thuộc lòng. Quả nhiên, gần tới phố Đồng Hới, chúng tôi bị một nhóm cán bộ Việt Minh chận lại. Họ trông dữ dằn nhưng làm bộ nói năng lễ phép,

"Chào chị, chẳng hay chị và các em đi đâu?"

Chúng tôi trả lời trót lọt; họ tin vì chiếc giỏ của mẹ đựng toàn thức ăn. Trước khi cho chúng tôi đi qua, anh cán bộ đầu sỏ có bộ răng cải mả cười duyên nói như thể đọc bài,

"Bây giờ đã hòa bình, đất nước độc lập, tự do, và hạnh phúc, chị và các cháu sẽ tha hồ hưởng."

Rồi anh ta xoi mói nhìn mẹ từ đầu đến chân,

"Nhà nước còn nghèo, nhân dân cần sự đóng góp của mọi người. Chúng tôi sẽ hoan hỉ nhận các món vàng trong người chị."

"Chúng tôi là nhà nông chân lấm tay bùn, làm gì có vàng mà đóng góp?" mẹ mạnh dạn trả lời.

"Thế còn chiếc vòng ngọc xanh trên tay chị? Chúng tôi sẽ không cho chị đi thăm bà cụ nếu chị không đưa," cán bộ mím môi xòe tay.

Thằng Gái đặt chiếc giỏ thức ăn xuống, chống nạnh hai tay,

"Cán bộ làng *tui* nói 'tuần lễ vàng' chấm dứt từ lâu rồi, và nhà nước chỉ quyên góp vàng và tiền chớ không nhận đá quý. Có phải anh tính lấy cái vòng ngọc gia bảo của mẹ *tui* làm của riêng?"

"Quả nhiên em đã 'học tập tốt' chính sách của nhà nước. Chuyện quyên góp hoàn toàn tự nguyện, chị và các cháu tự nhiên đi đi," cán bộ cười giả lả.

Đi một quãng, anh tôi lầm bầm,

"'Học tập tốt' con c... *tau*! *Mi* ngu thì có. Tổ cha thằng Việt Minh!"





Hôm ấy là lần đầu tiên và duy nhất trong đời tôi phải đi bộ lâu như thế. Sau khoảng một tiếng đồng hồ đầu, đôi chân tôi mỏi nhừ, bàn chân phải hồi trước bị thương trở nên nhức nhối, và tôi

khập khiễng bước chậm lại. Để *thằng Gái* rảnh tay dìu tôi, mẹ xách giỏ thức ăn cho anh. Lưng cõng Sang, mặt đỏ gay, và mồ hôi lấm tấm trên trán, mẹ luôn miệng khuyến khích tôi,

"Gần tới rồi con, rán lên kẻo trễ tàu."

Thương mẹ quá đi! Tôi cắn răng chịu đau lê bước. Con đường sao mà dài bất tận. Xế chiều bốn mẹ con mới tới cửa sông Nhật Lệ, Đồng đang ngóng đợi. Trên bãi có rất nhiều người mang quang gánh đồ đạc chờ lên "tàu há mồm" của Hải quân Mỹ đậu ở mé biển. Anh vội vã vác rương và đỡ anh em tôi lên tàu cùng với đám người di cư. Mẹ và anh em tôi vừa lên *boong* thì tàu nhổ neo chạy, và Đồng phải nhảy xuống biển bơi vào bờ. Tôi mệt đừ nằm lăn xuống sàn ngủ một lèo đến sáng hôm sau, khi tàu cập bến Đà Nẵng.

Chúng tôi đã *vượt vĩ tuyến 17*, ranh giới Bắc - Nam. Mẹ tìm chồng, các con tìm cha, và cả nhà tìm sự sống. Cám ơn mẹ đã sáng suốt và can đảm đưa các con sang miền đất tự do.

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 4 tháng Ba, 2026